

## QUẢNG BÌNH - SỰ HỘI TỤ CÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TỪ GÓC NHÌN LỊCH ĐẠI

**TS. NGUYỄN KHẮC THÁI**

Quảng Bình là danh xưng thiêng liêng của một vùng đất nằm ở vị trí trung lộ của cả nước, nơi giao hội giữa các yếu tố tự nhiên và văn hóa của cả hai miền Nam - Bắc. Tên gọi “Quảng Bình” chỉ mới xuất hiện khi chúa Tiên Nguyễn Hoàng theo lời khuyên “*Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân*” của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm để quyết định dựng nghiệp xứ Nam Hà bắt đầu từ Ô châu khắc nghiệt và nghèo khó, cách ngày nay đã trên 400 năm. Tuy nhiên, lịch sử Quảng Bình thì không phải chỉ bắt đầu từ đó. Cộng đồng cư dân sinh sống trên vùng đất này đứng chân ở đây từ thời tiền sử và khởi dựng những trang lịch sử của mình qua hàng vạn năm, trải bao biến thiên, thăng trầm để tồn tích và xếp lớp các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần đã được trao truyền qua nhiều thế hệ.

Chủ nhân thời tiền sử và sơ sử của Quảng Bình là những người đã xuất hiện khá sớm ở triền Đông của dãy Trường Sơn hùng vĩ, cách đây đã trên dưới một vạn năm. Những dấu tích thời tiền sử phát hiện được ở nhiều nơi trên đất Quảng Bình có đặc trưng cho thời kỳ cổ điển và thời kỳ sau của Văn hóa Hòa Bình trong giai đoạn Holocene đã cho thấy sự khởi nguồn và tính bản địa của cộng đồng nguyên thủy Quảng Bình. Đó là những nhóm cư dân xuất hiện từ thời tiền sử, gắn với một nền kinh tế săn bắt, hái lượm, tận dụng những sản phẩm tự nhiên rất giàu có của rừng núi Quảng Bình để tồn tại trong điều kiện khắc nghiệt nơi đây.<sup>1</sup>

Sau những biến thiên của kiến tạo địa chất dẫn đến sự kết thúc của thời kỳ biển tiến Flandrian, cộng đồng nguyên thủy trên vùng đất này có điều kiện để tiến dần về đồng bằng, để lại những dấu tích của một nền văn hóa đồ đá mới, sơ kỳ thời đại kim khí mà di chỉ khảo cổ đặc trưng cho nó chính là Bàu Tró. Thời kỳ Bàu Tró cùng với Bàu Khê, Ba Đồn, Cồn Nền và nhiều di chỉ khảo cổ khác cho thấy cộng đồng cư dân tiền sử đã lan tỏa chiếm cứ và sinh sống hầu khắp cả 4 vùng sinh thái: rừng núi, gò đồi, đồng bằng và vùng ven biển có địa giới bao trùm địa bàn Quảng Bình trên bản đồ ngày nay.

Sự phong phú của hệ thống các di chỉ Văn hóa Đông Sơn như Khương Hà, Cổ Giang, Quảng Lưu, Long Đại, Thanh Trạch... đã báo hiệu buổi bình minh của lịch sử và cho thấy với một nền văn minh kim khí rực rỡ mà cộng đồng cư dân trên đất Quảng Bình để lại đã mở ra thời kỳ sơ sử.<sup>2</sup> Từ đó người Quảng Bình xưa bước vào giai đoạn phát triển của các nhà nước cổ Việt Thường Thị, Văn Lang... Cộng đồng cư dân Quảng Bình chính thức mở đầu lịch sử qua một giai đoạn văn minh nước Việt Thường Thị mà lịch sử đã ghi nhận với những thành tựu phát triển rực rỡ của nền

---

<sup>1</sup> Hà Văn Tấn, “Văn hoá Hoà Bình - Những vấn đề sau năm 1960”, KCH, số 2/1992.

<sup>2</sup> Colani (M), (Attachée à l'Ecole Française d'Extrême-Orient), “*Recherches sur le préhistorique Indochinois*”, BEFEO T.XXX,n.3-4. H. 1931, tr.325, 336, 349.

nông nghiệp lúa nước và những dấu ấn để lại qua quan hệ bang giao với các lân bang trong khu vực.<sup>3</sup> Quá trình mở rộng về phía Nam của Văn Lang đã đưa vùng đất Quảng Bình xưa vào dòng chảy văn hóa - lịch sử có tính khởi nguồn của dân tộc Việt Nam, từ đó mà xếp lớp các giá trị văn hóa Việt qua nhiều thời đại.

Thời kỳ lịch sử văn hóa Chăm nối tiếp sau Việt Thường và Văn Lang đã để lại dấu ấn đậm nét không chỉ ở những di tích thành lũy Lâm Ấp, Hoàn Vương, Cổ thành Cao Lao, Ninh Viễn, đền tháp ở Trung Quán, Đại Hữu, Mỹ Đức, Quảng Cư... mà còn cả trên những giá trị tinh thần còn lưu giữ trong tập quán sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp cùng với các nghi thức trong đời sống văn hóa tâm linh. Đây cũng là thời kỳ diễn ra sự tranh chấp quyết liệt giữa các thế lực phong kiến phương Bắc, phương Nam, mà quyết liệt nhất là sự xâm lược của các thế lực phong kiến Trung Hoa cổ đại để áp đặt sự nô dịch Đại Hán. Chính trong hoàn cảnh này, sự tồn tại của văn hóa - lịch sử Chăm trong suốt cả nghìn năm của thiên niên kỉ thứ nhất đã nêu bật một giá trị hết sức lớn lao mà lịch sử dân tộc Việt Nam có thể ghi nhận: đó là vai trò Quảng Bình như là lá chắn chống Hán hóa để bảo vệ và bảo tồn văn hóa Việt. Đây chính là căn nguyên để lý giải sự tiếp nhận sự và lan tỏa nhanh chóng văn hóa Việt vào phương Nam qua Quảng Bình sau khi nhà nước Đại Việt cường thịnh ra đời.

Từ sau khi mở ra kỉ nguyên độc cho đất nước, khởi đầu từ các triều đại Khúc, Ngô, Đinh và Tiền Lê, Đại Việt đã xuất hiện như một sự phục sinh mạnh mẽ đã đưa vùng đất Quảng Bình hội nhập với xu thế tất yếu của lịch sử dân tộc Việt Nam. Đó chính là quá trình mở cõi về phương Nam khởi đầu từ cuộc Nam chinh của Phụ chính triều đình nhà Lý, Thái úy Lý Thường Kiệt.

Tồn tại trong vai trò là địa bàn biên viễn của các triều đại phong kiến Việt Nam, Quảng Bình nhận lãnh trách nhiệm làm người lính canh giữ vùng biên ải và cũng chính từ trọng trách này mà vùng đất Quảng Bình luôn được xem là trọng trấn của các vương triều. Chính điều đó đã làm cho vùng đất Quảng Bình trở thành mối quan tâm của các thế lực và tập đoàn phong kiến trong cuộc chiến không ngưng, không nghỉ để xác lập chủ quyền lãnh thổ.

Cục diện chính trị và xu thế phát triển của lịch sử đã dẫn đến các cuộc di dân ồ ạt vào Quảng Bình dưới thời Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc và chúa Nguyễn. Nhìn trên quan điểm lịch sử thì quá trình di dân là một bộ phận không thể tách khỏi của chính sách mở cõi, còn nhìn trên quan điểm vận động và phát triển thì quá trình di dân đã mang đến cho Quảng Bình sự mở mang cả về kinh tế, xã hội và văn hóa, từ đó cùng với diễn trình phát triển của lịch sử là sự xếp lớp các giá trị văn hóa để có bề dày lịch sử hôm nay. Và đó cũng là một môi trường rộng mở cho sự đan xen các cộng đồng dân tộc Việt, Chứt, Bru - Vân Kiều và nhiều tộc người với đa sắc thái văn hóa tồn tại trong dung hòa và thụ ứng.<sup>4</sup>

---

<sup>3</sup> Bùi Dương Lịch, “*Nghệ An ký*”, Nxb Khoa học Xã hội, 1993, tr.224.

<sup>4</sup> Nguyễn Hữu Thông (chủ biên), Nguyễn Phước Bảo Đàn, Lê Anh Tuấn, Trần Đức Sáng, Nguyễn Khắc Thái và cộng sự “*Hoa trên đá núi - Chân dung các dân tộc thiểu số miền Tây Quảng Bình*”, Nxb Thống kê, tr.27.

## PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

---

Triều đại nhà Lý đã cắm một mốc vô cùng quan trọng, đánh dấu sự khởi đầu trong dòng chảy Đại Việt không chỉ là vấn đề địa giới, cương vực, mà quan trọng hơn vẫn là thành công trong việc đưa văn hóa Việt vào lưu vực sông Nhật Lệ và sông Linh Giang với những công trình khai hoang, lập ấp. Triều Lý cũng là triều đại mở cánh cửa để cộng đồng cư dân Quảng Bình có điều kiện tham gia vào công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ giang sơn đất Việt.

Nếu triều Lý có công đặt sự khởi đầu, khởi động thì chính hai triều đại Trần, Lê, sau đó là Hồ, Mạc và Nguyễn là những triều đại đã lan tỏa hình hài làng xóm và định hình hệ thống làng Việt bền vững cho tới ngày nay.<sup>5</sup> Vì vậy những tên đất, tên người trong tiến trình lịch sử Quảng Bình đã gắn với công lao của những nhà khai phá như Trần Bang Cẩn, Hồ Cường, Hoàng Hối Khanh và nhiều vị tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai canh, làm nên những ao, những hồ, những đầm, những phá, những điền trang thái ấp trù phú với những làng nông, làng nghề như Bát danh hương: Lệ Sơn, La Hà, Cảnh Dương, Thổ Ngọa, Văn La, Võ Xá, Cổ Hiền, Kim Nại, cùng với các làng danh tiếng như Lý Hòa, Cao Lao, Lệ Mỹ, Phù Chánh, Hòa Luật, Mỹ Lộc, Lộc An, Đại Phong, Phan Xá... mà Tiến sĩ triều Lê - Mạc Dương Văn An đã mô tả tường tận trong bộ sách địa chí nổi tiếng “*Ô châu cận lục*”. Chính các cuộc di cư lớn diễn ra trong thời kỳ phong kiến đã mang đến cho Quảng Bình những anh hùng hào kiệt trong công cuộc giữ gìn biên cương, lãnh thổ và sự nghiệp mở cõi như Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến, Trương Phúc Phấn, Nguyễn Hữu Cảnh, Lê Sĩ, Võ Xuân Cẩn, Hoàng Kế Viêm và nhiều danh nhân khác...<sup>6</sup>

Lịch sử không chỉ có chiều thuận mà còn có nghịch lý, và nghịch lý ấy tái diễn nhiều nhất trên đất Quảng Bình. Chiến tranh giữa các tập đoàn, các thế lực phong kiến Chăm - Hán, Chăm - Việt, Việt với Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đã lôi kéo cộng đồng cư dân nơi đây vào cuộc binh lửa và để lại không ít hệ lụy. Nhưng, có lẽ cuộc chiến tàn khốc nhất giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn trong hơn một thế kỉ đã không chỉ là sự tàn phá về vật chất mà còn là nỗi đau tinh thần khi, cũng chính là người Quảng Bình, lúc họ là Nam Hà và lúc khác lại phải là Bắc Hà trong cùng một thời đoạn ngắn ngủi của lịch sử chỉ để thích ứng mà tồn tại. Nội chiến bao giờ cũng đau thương và trong đau thương ấy Quảng Bình là một chứng nhân lịch sử khó phai mờ. Tuy nhiên, ở cái thế thuận với quy luật lịch sử trong cuộc chiến tranh luôn luôn là “Bắc công, Nam cự”, các chúa Nguyễn đã lấy được lòng dân và được nhân dân ủng hộ. Vì vậy, dưới thời các chúa Nguyễn, Quảng Bình là một vùng đất được các chúa Nguyễn coi là trọng trấn, nhờ thế mà hưng thịnh. Hệ thống thành lũy do Đào Duy Từ lập đồ thức, khởi công và được Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến kế

---

<sup>5</sup> Phan Việt Dũng (2010), “*Quảng Bình thời khai thiết*”, Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Quảng Bình xuất bản, tr.91

<sup>6</sup> Nguyễn Khắc Thái, “*Danh nhân Quảng Bình - Những hào quang đi qua nhiều thế hệ*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về “*Danh nhân Quảng Bình*”, Quảng Bình, 2012, tr.129.

tục là một dấu tích ghi nhận thành quả lao động sáng tạo, tích lũy nhiều tri thức quân sự của người dân Quảng Bình.<sup>7</sup>

Các chúa Nguyễn sụp đổ, hoàng đế Quang Trung trong vai trò thống nhất đất nước và ghi công trong cuộc chiến chống quân Thanh xâm lược đã đi qua Quảng Bình như một cơn lốc, để lại rất ít dấu vết. Nhưng, người dân Quảng Bình cũng đã có nhiều cơ hội để đóng góp sức người, sức của cho cuộc chiến chống ngoại xâm oanh liệt dưới ngọn cờ Tây Sơn.

Khi xây dựng cơ nghiệp nhà Nguyễn, các hoàng đế nhà Nguyễn tiếp tục xem Quảng Bình ở vị trí “hữu trục kỳ”, là địa bàn trấn giữ an nguy cho kinh thành nên đã cho xây dựng cầu cống, mở mang đường sá, khuyến khích phát triển nông nghiệp, giao thương. Ngay từ đầu triều Nguyễn, Lê Công Định, tác giả bộ “*Hoàng Việt nhất thống địa dư chí*” đã mô tả những công trình, những sản vật, những làng xóm trù phú ở Quảng Bình và tỏ ra bằng lòng với một vùng đất trọng trấn phát đạt như vậy.

Triều Nguyễn phát triển lên đến đỉnh điểm thì đối mặt với chủ nghĩa tư bản phương Tây văn minh, giàu có và đầy tham vọng nên đã nhanh chóng nhượng bộ. Những người có tinh thần yêu nước đã họp lại cùng nhau trong phe chủ chiến khởi xướng một cuộc chiến tranh phản kháng cả triều đình đầu hàng và thực dân Pháp xâm lược. Tình thế sau cuộc chính biến thất bại của liên minh Tôn Thất Thuyết - Ứng Lịch đã dẫn đến một phong trào kháng Pháp dưới danh nghĩa “Cần Vương” mà trung tâm của phong trào này là vùng đất Quảng Bình. Với sự đùm bọc, che chở và ủng hộ của nhân dân, cùng với sự tham gia của các anh hùng, hào kiệt trên địa bàn Quảng Bình như Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân, Đê Ân, Đê Chít, Hoàng Phúc, Đoàn Chí Tuân... lực lượng nghĩa sĩ “Cần Vương” đã đánh bại nhiều cuộc càn quét của thực dân Pháp, gây cho chúng nhiều tổn thất.<sup>8</sup>

Nhưng ngọn cờ “Cần Vương” do Tôn Thất Thuyết khởi dựng, lấy Hàm Nghi làm chủ soái đã không còn là ngọn cờ của thời đại. Sự tan rã của phong trào “Cần Vương” là một tất yếu lịch sử. Sự vận động của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã bắt đầu được nhen nhúm từ những thanh niên trí thức yêu nước thành viên của các Đảng Thanh niên, Đảng Tân Việt như Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Hữu Chuyên, Đào Việt Doãn, Phạm Xuân Tuynh, Khương Hữu Dụng, Nguyễn Kim Tiềm, Nguyễn Quang Thỏ, Nguyễn Văn Huyền, Dương Đình Du... đã gây mầm cho phong trào yêu nước theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản. Tuy nhiên, phải đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3 tháng 2 năm 1930 thì cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc mới gắn liền với cuộc đấu tranh dân chủ để trở thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Đây cũng là giai đoạn ở Quảng Bình có những tổ chức cơ sở Đảng và chi bộ Cộng sản đầu tiên ra đời như chi bộ Mỹ Trung ở Lệ Thủy, chi bộ ga Hoàn Lão ở Bố Trạch, chi bộ Bãi Đúc ở Tuyên Hóa, chi bộ Lũ Phong ở Quảng Trạch đã lãnh đạo nhân

---

<sup>7</sup> Lê Quý Đôn, “*Toàn tập. Tập 1. Phủ biên tạp lục*”, Xxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr.185-188.

<sup>8</sup> Nguyễn Quang Trung Tiềm, “*Vua Hàm Nghi và sơn triều chống Pháp ở Quảng Bình*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về “*Danh nhân Quảng Bình*”, 2012, tr.375.

dân trong tỉnh đứng lên đấu tranh lật đổ chính quyền thực dân, phong kiến, giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Cách mạng tháng Tám thành công chưa được bao lâu thì thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, cả nước lại bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ và anh dũng để đánh đuổi kẻ thù. Trong cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân Quảng Bình đã lập được những chiến công to lớn, nổi bật nhất là việc thành lập các làng chiến đấu kiểu mẫu như Cự Nẫm, Cảnh Dương, Hiền Lộc, Hưng Đạo,... đẩy mạnh chiến tranh du kích. Quảng Bình đã phát động tuần lễ “Quảng Bình quật khởi”, tạo nên một cao trào cách mạng sôi nổi và mạnh mẽ, huy động toàn dân tiếp tục đánh đuổi thực dân Pháp giải phóng quê hương.<sup>9</sup>

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân Quảng Bình bắt tay vào khôi phục, phát triển kinh tế, tích lũy tiềm lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây chính là giai đoạn cả nước biết đến Quảng Bình là quê hương của hai ngọn cờ đầu trong sản xuất là Hợp tác xã Đại Phong trong nông nghiệp và hợp tác xã Quang Phú trong ngư nghiệp. Trước những thành tựu của Quảng Bình trong xây dựng, ngày 16 tháng 6 năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Quảng Bình, sự kiện có ý nghĩa to lớn, động viên nhân dân trong tỉnh tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội, chuẩn bị tiềm lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày mùng 7 tháng 2 năm 1965, sau một thời gian gây hấn từ “Sự kiện vịnh Bắc Bộ” tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, Quảng Bình trở thành tuyến lửa, hậu phương trực tiếp của miền Nam. Nhân dân Quảng Bình đã phát động phong trào thi đua yêu nước theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi”. Phong trào “Hai giỏi” đã trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng với nhiều tấm gương chiến đấu và sản xuất xuất sắc tiêu biểu. Quảng Bình cũng là quê hương của những chiến công bắn rơi 704 máy bay, bắn cháy 86 tàu chiến của Mỹ, trong đó có cả những máy bay hiện đại như F105, F111A...<sup>10</sup>

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, Quảng Bình cùng với nhân dân Quảng Trị và Thừa Thiên trong cơ cấu hành chính tỉnh Bình Trị Thiên đã trải qua một giai đoạn khó khăn, gian khổ do suy thoái kinh tế trong những năm 1976-1986. Nhưng, với truyền thống cần cù, sáng tạo, nhân dân Quảng Bình đã vượt qua thử thách, tiếp tục khôi phục kinh tế, ổn định đời sống và thoát ra khỏi khủng hoảng để cùng cả nước bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển theo đường lối đổi mới.

Giai đoạn 1989 đánh dấu nhiều chuyển biến quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển lịch sử Quảng Bình trong thời kỳ đương đại. Sau 13 năm xây dựng và phát triển trong cơ cấu hành chính tỉnh Bình Trị Thiên, đến tháng 6 năm 1989, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định chia tách tỉnh Bình Trị Thiên thành 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế theo địa giới cũ. Ngày mùng 1 tháng 7 năm 1989, tỉnh Quảng Bình chính thức tái lập. Từ ngày tái lập tỉnh

---

<sup>9</sup> “Quảng Bình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)”, Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình ấn hành năm 1991, tr.93-94.

<sup>10</sup> “Lịch sử Quảng Bình chống Mỹ, cứu nước 1954-1975”, Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình xuất bản, 1994, tr.95, 277.

## PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

---

đến năm 2000, tỉnh Quảng Bình trải qua 4 kỳ kế hoạch 5 năm, thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế - xã hội. Đây được coi là thời kỳ phục sinh của Quảng Bình trên tất cả các phương diện. Từ một địa bàn bị chiến tranh tàn phá, lại chịu ảnh hưởng nặng của những hệ lụy do kéo dài cơ chế quan liêu bao cấp, Quảng Bình đã có những biến chuyển cơ bản cả trong quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Từ chỗ là một nền kinh tế thuần nông, Quảng Bình đã phát triển kinh tế nhiều thành phần, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, đồng thời phát triển cơ sở hạ tầng để từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế của tỉnh. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội đều phát triển mạnh mẽ. Di sản văn hóa vật chất và tinh thần của nhân dân được bảo tồn, phát huy tác dụng. Các hoạt động văn hóa hướng tới mục tiêu xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc được triển khai thường xuyên và rộng rãi trên địa bàn toàn tỉnh. Quảng Bình có nhiều di tích và danh thắng, trong đó có Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới, cùng hệ thống đường Hồ Chí Minh huyền thoại và nhiều di tích lịch sử, di tích văn hóa quý hiếm khác đang là điểm đến có sức hấp dẫn cao đối với cộng đồng trong nước và Quốc tế. Những thành tựu trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, việc thực hiện chính sách xã hội và sự tham gia của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng chính quyền, tăng cường quốc phòng và an ninh để bảo vệ cuộc sống của nhân dân, đã đóng góp phần quan trọng cho một Quảng Bình phát triển trong sự ổn định và thịnh vượng.

Vậy là qua dòng chảy lịch sử, vùng đất Quảng Bình đã trải qua nhiều biến thiên và thăng trầm, nhưng cũng từ những thăng trầm của lịch sử mà nơi đây đã tồn tích các giá trị văn hóa đặc sắc và lâu đời, được trao truyền qua nhiều thế hệ.

Về mặt lịch sử, sự trao truyền qua diễn trình lịch sử và trường tồn trong một dòng chảy từ thủy đến chung không hoàn toàn là sự xếp lớp đơn thuần mà biến thiên theo ảnh hưởng và ưu thế của hai khu vực Bắc - Nam qua từng thời kỳ để hình thành những nét độc đáo trong sắc thái văn hoá và giá trị lịch sử Quảng Bình.

Và cũng chính sự hội tụ và giao cắt các yếu tố chính trị, lịch sử, văn hóa khi đi qua miền biên viễn Quảng Bình đã làm nên đặc trưng “đa văn hóa” của chủ nhân vùng đất.

Bên cạnh những “trầm tích” các giá trị lịch sử qua dòng chảy lịch đại, thì mặt đồng đại, nó là sự tương hợp giữa 2 lớp văn hóa, lớp nền là văn hóa bản địa và lớp phủ là văn hóa di dân. Do vậy, cộng đồng dân cư ở đây có cơ hội để tích hợp trong tổ chất cá nhân và cộng đồng đa nguồn gốc, đa sắc thái văn hóa. Người bản địa vẫn là cái chất càn cù mà không cam chịu, người di cư mang đến cái chất táo bạo, thoáng đạt và lịch lãm. Sự hòa trộn nhiều thế hệ đã sản sinh ra tổ chất càn cù, sáng tạo, cương cường nhưng cũng rất dung dị, ôn hòa và nhân ái. Đó là đặc điểm thường thấy ở những tổ chức hợp quần. Chính sự đa nguồn gốc văn hóa cùng với sự tích hợp các giá trị có được từ tiếp biến, giao thoa và thụ ứng văn hóa 2 miền, là cơ sở để xuất hiện “nhân kiệt”. Và, nếu “nhân kiệt” ở vùng văn hóa Hoan - Ái là sản phẩm văn hóa có bề dày thuần nhất thì “nhân kiệt” ở vùng văn hóa Nam Hoành Sơn là sản phẩm văn hóa “đa sắc thái”, hệ quả của sự tái cấu trúc thường xuyên lặp lại. Đó là cái căn nguyên lý giải

vì sao vùng đất Quảng Bình không mấy giàu có về vật chất nhưng không thời nào lại không có những anh hùng hào kiệt kinh bang tế thế.

Trong suốt mấy thiên niên kỉ, địa bàn Quảng Bình là điểm gặp gỡ của các trung tâm chính trị và văn hóa lớn theo dòng chảy lịch đại. Về lịch sử thì đó là Văn Lang - Việt Thường / Đại Việt - Chiêm Thành / Bắc Hà - Nam Hà và cả miền Nam - miền Bắc trong thời hiện đại. Về văn hóa thì đó là Đông Sơn - Sa Huỳnh / Việt - Chăm / Đàng Trong - Đàng Ngoài / Thăng Long - Phú Xuân... Chính từ sự gặp gỡ và hội tụ ấy mà tạo nên những trao truyền giá trị lịch sử văn hóa thông qua các hình thái tiếp biến, giao thoa và thụ ứng.

Chưa dừng lại ở đó, sự hội tụ của các yếu tố tự nhiên trong Nam, ngoài Bắc trên địa bàn nhỏ hẹp và kéo dài hơn một vĩ độ đã mang đến và áp đặt cho vùng đất này những hiện tượng tự nhiên khắc nghiệt như lũ, lụt, hạn hán, lốc lửa đến phía Tây và cuồng phong đổ bộ từ phía Đông.

Tất cả các yếu tố về tự nhiên, lịch sử và văn hóa đã kiến tạo và rèn đúc cho chủ nhân của vùng đất - những con người Quảng Bình - đức tính cần cù mà không cam chịu, can trường và bản lĩnh trước mọi thử thách. Thêm vào đó, người Quảng Bình luôn nằm ở lẫn ranh của chia cắt trong mọi thời đại, tất yếu họ phải chịu nhiều thiệt thòi của xứ biên viễn, nhưng chính sức ép “biên viễn” đã cho họ sức mạnh, đúng như sử gia nổi tiếng người Anh Arnold J. Toynbee đã nhận định: “*Những xứ nằm ở vùng biên viễn đều có sinh lực mạnh mẽ*”. Và “sinh lực mạnh mẽ” ấy đã bộc lộ trong cuộc đấu tranh không mệt mỏi với thiên nhiên để tồn tại và phát triển. Sinh lực ấy cũng nằm ngay trong tố chất quyết liệt và ngoan cường, thông minh và quyết đoán trong những cuộc đụng đầu lịch sử với giặc ngoại xâm và những thế lực đi ngược chiều lịch sử.

Thế kỉ XX khép lại với những thành tựu mà nhân dân Quảng Bình đã đổ mồ hôi và xương máu để xây dựng và bảo vệ quê hương trong suốt cả chiều dài lịch sử hàng nghìn năm. Đó là nguồn lực quan trọng để các tầng lớp nhân dân Quảng Bình vững vàng bước vào những chặng đường lịch sử mới trong thế kỉ XXI.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Colani (M), (Attachée à l'Ecole Française d'Extrême-Orient), “*Recherches sur le préhistorique Indochinois*”, BEFEO T.XXX,n.3-4. H, 1931.
2. Bùi Dương Lịch, “*Nghệ An ký*”, Nxb Khoa học Xã hội, 1993.
3. Hà Văn Tấn, “*Văn hoá Hoà Bình - Những vấn đề sau năm 1960*”, KCH, số 2/1992.
4. Lê Quý Đôn, “*Toàn tập. Tập 1. Phụ biên tạp lục*”, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977.
5. “*Lịch sử Quảng Bình chống Mỹ, cứu nước 1954-1975*”, Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình xuất bản, 1994, tr.95.
6. Nguyễn Hữu Thông (chủ biên), Nguyễn Phước Bảo Đàn, Lê Anh Tuấn, Trần Đức Sáng, Nguyễn Khắc Thái và cộng sự, “*Hoa trên đá núi - Chân dung các dân tộc thiểu số miền Tây Quảng Bình*”, Nxb Thống kê.

7. Nguyễn Khắc Thái, “*Danh nhân Quảng Bình - Những hào quang đi qua nhiều thế hệ*”. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về “*Danh nhân Quảng Bình*”, Quảng Bình, 2012.

8. Nguyễn Quang Trung Tiên, “*Vua Hàm Nghi và sơn triều chống Pháp ở Quảng Bình*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về “*Danh nhân Quảng Bình*”, 2012.

9. Phan Việt Dũng (2010), “*Quảng Bình thời khai thiết*”, Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Quảng Bình xuất bản.

10. “*Quảng Bình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)*”, Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình ấn hành năm 1991, tr.93-94.

11. Arnold J. Toynbee, “*The study of History*” tóm lược từ công trình của D.C. Somerveill. “*A laurel edition. Dell Publising*” Co.,Inc, 1971.